

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 156/2021/DS-PT

Ngày 07-5-2021

“V/v tranh chấp hợp đồng góp hội”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Tuyền

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thiện Tâm

Ông Lê Minh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Khổng Văn Đa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị P Thảo - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 56/2021/TLPT-DS ngày 17 tháng 3 năm 2021 về “tranh chấp hợp đồng góp hội”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2021/DS-ST ngày 18 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa có kháng cáo của đương sự.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 119/2021/QĐ-PT ngày 09 tháng 4 năm 2021, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Ninh Thị L, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Ô 3, khu A, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Bùi Thị P, sinh năm 1975;

2.2. Ông Trần Công Đ (tên gọi khác: T), sinh năm 1976;

Cùng địa chỉ: ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An.

3. Người kháng cáo: Bị đơn bà Bùi Thị P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 8 năm 2018 của nguyên đơn bà Ninh Thị L, cùng những lời trình bày như sau:

Bà L có tham gia góp hội do bà P làm chủ hội từ năm 2015 cho đến khi bãi hội năm 2019, cụ thể 03 dây hội, bà chưa hết như sau:

1. Dây hội tháng, góp 1.000.000 đồng/tháng, khai hội ngày 05 tháng 11 năm 2017, có 27 hội viên, bà L tham gia góp 04 phần, đã góp được 19 kỳ, số tiền góp mỗi kỳ góp từ 600.000 đồng đến 700.000 đồng. Tổng số tiền góp 19 kỳ là 47.500.000 đồng.

2. Dây hội tháng, góp 2.000.000 đồng/tháng, khai hội ngày 05 tháng 11 năm 2017, gồm 27 hội viên, bà L tham gia góp 04 phần, đã góp được 19 kỳ, mỗi kỳ góp từ 1.400.000 đồng đến 1.500.000 đồng. Tổng số tiền góp 19 kỳ là 94.320.000 đồng.

3. Dây hội tháng, góp 1.000.000 đồng/tháng, khai hội ngày 10 tháng 02 năm 2018, gồm 27 hội viên, bà L tham gia góp 06 phần, góp được 15 kỳ, mỗi kỳ góp từ 600.000 đồng đến 700.000 đồng. Tổng số tiền góp 15 kỳ là 58.610.000 đồng.

Các dây hội đã mãn vào năm 2020. Tổng cộng bà L đã góp 03 dây hội cho bà P làm chủ thảo với số tiền 200.430.000 đồng. Ngày góp hội sau cùng của dây 01 và 02 là ngày 05 tháng 4 năm 2019, ngày góp hội sau cùng của dây hội thứ 3 là ngày 10 tháng 4 năm 2019.

Nay bà L yêu cầu bà P và ông Đ liên đới trả tiền hội bà đã góp 03 dây là 200.430.000 đồng và tiền lãi là 51.000.000 đồng (tính từ ngày 10 tháng 4 năm 2019 đến ngày xét xử, mức lãi 20%/năm). Tổng số tiền yêu cầu trả là 251.658.000 đồng.

Tại phiên tòa bà L yêu cầu bà P và ông Đ liên đới trả tiền góp hội gốc và tiền lãi 200.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày ngưng góp hội ngày 10 tháng 4 năm 2019 đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định pháp luật. Bà L thừa nhận ngày 11 tháng 11 năm 2019 bà P có trả được cho bà L 70.000.000 đồng tiền hội đã góp.

Bị đơn ông Trần Công Đ vắng mặt nhưng có lời trình bày tại Bản tự khai ngày 27 tháng 10 năm 2020 như sau: Ông Đ với bà P là vợ chồng nhưng đã ly hôn theo Quyết định số 709/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa. Việc tham gia hội của bà P với bà L như thế nào ông Đ hoàn toàn không biết và không có sử dụng tiền của bà L. Vì vậy, ông Đ không có trách nhiệm liên đới với bà P trả nợ cho bà L nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà L.

Bị đơn bà Bùi Thị P có lời trình bày tại phiên tòa như sau:

Bà P thừa nhận bà L có tham gia dây hội góp 1.000.000 đồng/tháng; mở ngày 05 tháng 11 năm 2017, gồm 27 hội viên, bà L tham gia góp 04 phần. Dây hội góp 2.000.000 đồng/tháng, mở ngày 05 tháng 11 năm 2017, gồm 27 hội viên, bà L tham gia góp 04 phần. Dây hội góp 1.000.000 đồng/tháng, mở ngày 10 tháng 02 năm 2018, gồm 27 hội viên, bà L tham gia góp 06 phần.

Bà P thừa nhận có nhận tiền góp hụi của bà L tổng cộng là 203.700.000 đồng, sau đó có trả cho bà L 70.000.000 đồng nên đồng ý trả cho bà L số tiền hụi góp là 133.700.000 đồng nhưng không đồng ý trả tiền lãi.

Bà P cũng thừa nhận giữa bà P và ông Đ đã ly hôn vào năm 2019 và việc bà P tổ chức góp hụi thì ông Đ không có tham gia nhưng tiền hụi và lợi nhuận thu được bà sử dụng chung cho sinh hoạt gia đình khi còn sống chung với ông Đ nên việc bà L yêu cầu bà P và ông Đ trả tiền nợ hụi thì bà không có ý kiến gì.

Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2021/DS-ST ngày 18 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa đã căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 và các Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 288, Điều 471, Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 32 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L đối với bà P và ông Đ.

Buộc bà P và ông Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà L số tiền là 165.416.600 đồng (một trăm sáu mươi lăm triệu bốn trăm mười sáu nghìn sáu trăm đồng).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án, người có nghĩa vụ trả tiền nếu chậm trả thì phải trả thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Về án phí sơ thẩm: Buộc bà P và ông Đ phải liên đới nộp tiền án phí sơ thẩm là 8.270.800 đồng (tám triệu hai trăm bảy mươi nghìn tám trăm đồng).

Buộc bà L phải chịu 1.729.000 đồng (một triệu bảy trăm hai mươi chín nghìn đồng), khấu trừ tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp theo biên lai thu số 0006359 ngày 01 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Hoàn trả cho L 4.471.000 đồng (bốn triệu bốn trăm bảy mươi một nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo; quyền và nghĩa vụ của các đương sự ở giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 26 tháng 01 năm 2021, bị đơn bà P kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét về việc không trả tiền lãi 31.716.600

đồng, đồng thời xin trả dần hàng tháng 4.000.000 đồng vì hoàn cảnh của bà hiện nay đang gặp khó khăn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn bà P vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Bị đơn bà P trình bày: Bà đồng ý còn nợ tiền hụi bà L, đồng ý số tiền sau khi trừ 70.000.000 đồng bà đã trả. Bà không đồng ý tính lãi vì trong số tiền nợ bà L trình bày thì đã có bao gồm tiền lãi. Sau khi hụi bị bể thì các hụi viên đã hốt cũng chỉ góp lại cho bà số tiền còn lại nợ sau khi tính số tiền được hốt trừ số tiền đã góp, không tính theo giá hụi chết. Số tiền bà L đã góp đã bao gồm có lãi là do bà tự tính, bà không có chứng cứ cung cấp. Đồng thời, xin trả dần hàng tháng 4.000.000 đồng vì hoàn cảnh gia đình của bà hiện nay khó khăn.

Nguyên đơn bà L trình bày: Bà xác định đã góp cho bà P 03 dây hụi với số tiền là 200.430.000 đồng và yêu cầu trả số tiền sau khi trừ 70.000.000 đồng bà đã nhận từ bà P. Số tiền nợ còn lại yêu cầu trả là 130.430.000 đồng. Số tiền nợ này không bao gồm tiền lãi, bà đã góp một thời gian dài nên yêu cầu tính lãi từ ngày góp sau cùng là ngày 10 tháng 4 năm 2019 đến ngày xét xử là 51.000.000 đồng. Bà không đồng ý yêu cầu xin trả dần và vẫn giữ yêu cầu ông Đ liên đới với bà P trả cho bà số tiền còn nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đ trình bày: Ông và bà P đã ly hôn, việc bà P làm chủ hụi ông hoàn toàn không biết và không sử dụng số tiền của bà P nên không đồng ý liên đới. Việc nợ trước đây của bà P, ông và bà P đã cùng giải quyết, phần nợ của bà L ông không có trách nhiệm. Tuy nhiên, ông Đ xác định đã nhận được bản án dân sự sơ thẩm nhưng không có kháng cáo phản tuyên buộc nghĩa vụ liên đới.

Các đương sự không có thỏa thuận gì khác.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

Cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình. Bị đơn bà P kháng cáo đúng quy định tại các Điều 273, Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự nên đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về yêu cầu kháng cáo: Bà P kháng cáo xin được trả tiền hụi bà L đã góp sau khi trừ 70.000.000 đồng, không đồng ý trả tiền lãi vì trong số tiền bà L yêu cầu đã có tiền lãi; đồng thời xin trả dần hàng tháng 4.000.000 đồng. Bà L không đồng ý yêu cầu không trả lãi và xin trả dần. Đối với yêu cầu không trả lãi xét thấy đây là quan hệ tranh chấp góp hụi hai bên có lời, pháp luật quy định có việc tính lãi nên bà L yêu cầu tính lãi là có căn cứ. Bà P cho rằng tiền góp hụi đã bao gồm tiền lãi nhưng bà L không thừa nhận, bà P không cung cấp chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ để chấp nhận. Việc xin trả dần pháp luật không quy

định, bà L không đồng ý nên yêu cầu kháng cáo xin trả dần không có căn cứ để chấp nhận.

Đề nghị bác kháng cáo của bà P. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án Dân sự sơ thẩm số 10/2021/DS-ST ngày 18 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn bà P kháng cáo hợp lệ nên vụ án được xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: Kháng cáo của bà P về một phần bản án dân sự sơ thẩm. Căn cứ phạm vi xét xử phúc thẩm quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét nội dung vụ án có liên quan đến kháng cáo.

[3] Xét kháng cáo của bà P thấy rằng: Cả hai bên thống nhất có việc tham gia góp hui và nợ tiền hui đã góp. Tuy nhiên số tiền bà P thừa nhận còn nợ bà L là 203.700.000 đồng, bà L trình bày số tiền đã góp cho bà P là 200.430.000 đồng. Như vậy, bà P thừa nhận nợ số tiền nhiều hơn bà L yêu cầu là 3.270.000 đồng. Nên chấp nhận số tiền bà P nợ theo lời trình bày của bà L 200.430.000 đồng là theo nguyên tắc có lợi cho bà P. Tại phiên tòa bà L xác định số tiền yêu cầu là 200.430.000 đồng trừ 70.000.000 đồng đã nhận từ bà P. Nên yêu cầu bà P và ông Đ liên đới trả số tiền 130.430.000 đồng là có căn cứ chấp nhận và phù hợp với lời thừa nhận của bà P. Án sơ thẩm lấy số nợ bà P thừa nhận 203.700.000 đồng trừ 70.000.000 đồng bà P đã trả, bà P còn nợ 133.700.00 đồng theo nguyên tắc có lợi cho bà L là chưa phù hợp về nguyên tắc có lợi vì như vậy số tiền 203.700.000 đồng là vượt quá yêu cầu khởi kiện của bà L 3.270.000 đồng (bà L chỉ kiện bà P nợ số tiền 200.430.000 đồng). Số tiền bà L yêu cầu 200.430.000 đồng trừ 70.000.000 đồng bà P đã trả như vậy bà P còn nợ bà L 130.430.000 đồng và tiền lãi được tính trên số nợ 130.430.000 đồng. Nên số tiền lãi và tiền án phí được điều chỉnh lại cho phù hợp.

[3.1] Đối với việc bà P yêu cầu không tính tiền lãi và xin trả dần hàng tháng 4.000.000 đồng, bà L không đồng ý. Đối với yêu cầu không trả lãi xét thấy đây là quan hệ tranh chấp góp hui hai bên có lời, tại khoản 3 Điều 471 Bộ luật dân sự quy định “*trường hợp việc tổ chức họ có lãi thì mức lãi suất phải tuân theo quy định*” nên bà L yêu cầu tính lãi là có căn cứ. Bà P cho rằng tiền góp hui đã bao gồm tiền lãi nhưng bà L không thừa nhận, bà P không cung cấp chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ để chấp nhận. Đối với yêu cầu xin trả dần bà L không đồng ý, pháp luật không quy định nên kháng cáo xin trả dần không có căn cứ để chấp nhận.

[3.2] Số tiền lãi bà L yêu cầu được chấp nhận là 130.430.000 đồng x 14 tháng 07 ngày (tính từ ngày 11 tháng 4 năm 2019 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 18 tháng 01 năm 2020) x 20%/1năm = 30.940.893 đồng.

[3.3] Án sơ thẩm buộc bà L chịu án phí 1.720.000 đồng nhưng không nhận định tính trên số tiền nào và tuyên số tiền bà L bị bác yêu cầu là chưa đầy đủ. Vì vậy, cấp phúc thẩm cần điều chỉnh lại cho đúng là bác yêu cầu của bà L đối với tiền lãi là 20.059.170 đồng (tiền lãi yêu cầu là 51.000.000 đồng – lãi được chấp nhận là 30.940.893 đồng) và tính án phí 5% trên số tiền lãi bị bác yêu cầu.

[3.4] Ông Đ không đồng ý liên đới cùng bà P trả số tiền nợ hui cho bà L. Tuy nhiên, ông Đ không có kháng cáo và bà P cũng không kháng cáo vấn đề liên đới nên những vấn đề không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, cấp phúc thẩm không xem xét.

[4] Từ nhận định mục [3], chấp nhận một phần kháng cáo của bà P. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm về điều chỉnh tiền gốc, tiền lãi và án phí, sửa cách tuyên án đối với yêu cầu tiền lãi bị bác. Đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An về việc kháng cáo của bà P không có căn cứ được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên bà P không phải chịu theo Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[6] Những nội dung khác trong phần quyết định của bản án sơ thẩm được giữ nguyên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Bùi Thị P.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2021/DS-ST ngày 18 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 và Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự ;

Căn cứ vào Điều 288, Điều 471, Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 32 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 26, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ninh Thị L đối với bà Bùi Thị P và ông Trần Công Đ.

Buộc bà Bùi Thị P và ông Trần Công Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Ninh Thị L số tiền là 161.370.893 đồng (một trăm sáu mươi một triệu ba trăm bảy mươi nghìn tám trăm chín mươi ba đồng); trong đó bao gồm 130.430.000

đồng tiền hụi bà Ninh Thị L đã góp cho bà Bùi Thị P và 30.940.893 đồng tiền lãi.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án, người có nghĩa vụ thi hành án nếu chậm thi hành thì phải trả thêm tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

2. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ninh Thị L yêu cầu bà Bùi Thị P và ông Trần Công Đ trả tiền lãi 20.059.170 đồng (hai mươi triệu không trăm năm mươi chín nghìn một trăm bảy mươi đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Bùi Thị P và ông Trần Công Đ phải liên đới chịu 8.068.500 đồng (tám triệu không trăm sáu mươi tám nghìn năm trăm đồng).

Buộc bà Ninh Thị L phải chịu 1.003.000 đồng (một triệu không trăm lẻ ba nghìn đồng), khấu trừ 6.200.000 đồng (sáu triệu hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Ninh Thị L đã nộp theo biên lai thu số 0006359 ngày 01 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa. Hoàn trả cho bà Ninh Thị L 5.197.000 đồng (năm triệu một trăm chín mươi bảy nghìn đồng).

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Bùi Thị P không phải chịu. Hoàn trả cho bà Bùi Thị P 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007423 ngày 29 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

Lê Thị Bích Tuyền